


**CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI**  
 -----  
**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
**POTASSIUM PERMANGANATE**

|                       |          |
|-----------------------|----------|
| <b>SỨC KHỎE</b>       | <b>2</b> |
| <b>DỄ CHÁY</b>        | <b>0</b> |
| <b>PHẢN ỨNG</b>       | <b>0</b> |
| <b>BẢO VỆ CÁ NHÂN</b> | <b>J</b> |

|   |   |
|---|---|
| Số CAS: <b>7722-64-7</b><br>Số UN: <b>1490</b><br>Số đăng ký EC: <b>231-760-3</b><br>Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):<br>Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): |  |
|---|---|

**I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT**

|   |  |
|---|--|
| - Tên thường gọi của chất: <b>Potassium Permanganate</b>                    | Mã sản phẩm (nếu có)<br><b>Không có thông tin</b>  |
| - Tên thương mại: <b>Potassium Permanganate</b>                             |  |
| - Tên khác (không là tên khoa học): <b>Thuốc tím, condy's crystals, ...</b> |  |
| - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu:  | Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:<br><b>CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI</b><br><b>27, Đồng Khởi, Ninh Kiều, TPCT</b><br><b>ĐT:0710 3826699 – Fax: 3833629</b><br><b>0913 870379</b> |
| - Tên nhà sản xuất và địa chỉ:  |  |
| - Mục đích sử dụng: Dùng trong công nghiệp, thí nghiệm, y tế.               |  |

**II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

| Tên thành phần nguy hiểm | Số CAS    | Công thức hóa học | Hàm lượng (% theo trọng lượng) |
|--------------------------|-----------|-------------------|--------------------------------|
| Potassium permanganate   | 7722-64-7 | KMnO <sub>4</sub> | 100 %                          |

**III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**

|  |
|--|
| <b>1. Mức xếp loại nguy hiểm :</b><br>Theo HMIS (Mỹ):<br>- Sức khỏe: 2<br>- Dễ cháy: 0<br>- Phản ứng: 0<br>- Bảo vệ cá nhân: J |
|--|



(Bảo vệ cá nhân J bao gồm: Kính chống bắn lóe, Găng tay, tạp dề bảo hộ, khẩu trang chống bụi, mặt nạ phòng độc)

Các thông tin khác về mức xếp loại nguy hiểm:

- Là các chất rắn có tính ô xy hóa loại 2.
- Độc tính cấp tính loại 4.
- Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh loại 1.
- Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 1.

**Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)**



**Dấu hiệu : Nguy Hiểm**

## 2. Cảnh báo nguy hiểm

### Các nguy hại thể chất:

- Chất rắn có tính ôxy hóa.

### Các nguy hại sức khỏe:

- Độc hại khi hít phải. Kích ứng hệ hô hấp.
- Độc hại khi tiếp xúc qua da. Kích ứng da.
- Kích ứng mắt.
- Độc hại khi nuốt phải.

### Các nguy hại đối với môi trường:

- Nguy hại với môi trường thủy sinh.

### Ngăn ngừa

- Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa / trên các bề mặt nóng.
- Không hút thuốc lá.
- Thùng chứa luôn được đóng chặt.
- Nối dây tiếp đất cho công te nơ và thiết bị tiếp nhận.
- Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.
- Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.
- Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.
- Tránh vào môi trường có bụi hoặc hơi hoá chất.
- Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng, mang vác, tiếp xúc với hoá chất.
- Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.
- Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt phù hợp khi tiếp xúc với hoá chất.

## 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

### Đường mắt:

- Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt phồng rộp, và/ hoặc mờ mắt.

#### **Đường hô hấp:**

- Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói. Các dấu hiệu và triệu chứng khác của sự suy yếu hệ thần kinh trung ương (CNS) có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn và mất khả năng điều khiển cơ thể. Tiếp tục hít có thể dẫn đến hôn mê và tử vong.

#### **Đường da:**

- Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/ hoặc da khô/nứt nẻ.

#### **Đường tiêu hóa:**

- Nếu vật liệu đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm ho, ngạt thở, thở khò khè, khó thở, tức ngực, hụt hơi và/ hoặc sốt. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm một cảm giác bỏng tạm thời trên mũi và họng, ho và/ hoặc khó thở.

### **IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

#### **1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)**

- Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.

#### **2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)**

- Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Rửa bộ phận bị dính bản với nước sạch (và xả phòng nếu có thể).

#### **3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở)**

- Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.

#### **4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm)**

- Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào

### **V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**1. Xếp loại về tính cháy:** Không cháy

**2. Các môi nguy hại cụ thể phát sinh từ hóa chất:** Không có

**3. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** ôxit của potassium, ôxit của mangan, các khí độc gây kích ứng.

**4. Các tác nhân gây cháy, nổ:** Sự phóng tĩnh điện; lửa trần; tia lửa.

**5. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:**

- Bột chống cháy, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa. Giải tán những

người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.

## **6. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

- Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxy. Khi chữa cháy trong không gian kín phải dùng các thiết bị bảo hộ thích hợp, bao gồm cả mặt nạ phòng độc.

## **7. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ:**

- Được coi là chất không cháy nhưng sự tác động của môi trường xung quanh như sự phóng tĩnh điện, tia lửa,... có thể gây cháy vì vậy tất cả các khu vực cất chứa đều phải trang bị các phương tiện chống cháy thích hợp. Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.

## **VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không không chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

### **1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**

- Đối với lượng hóa chất bị đổ ít ( $\leq 1$  thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cận bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

### **2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng**

- Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn ( $> 1$  thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cận với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cận bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn

## **VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ**

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các phương tiện bảo vệ cá nhân, xem Phần VIII của Phiếu An Toàn Hóa Chất này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

### **1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

- Tránh hít phải khí và/ hoặc sương. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Tích tụ tĩnh điện có thể

phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục của dòng điện bằng cách nối và tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế tốc độ tuyến trong khi bơm để tránh phát sinh hiện tượng phóng điện ( $\leq 1\text{m/giây}$  cho đến khi ống tiếp (bơm) ngập 2 lần đường kính của nó, sau đó  $\leq 7\text{m/giây}$ ). Tránh để bắn tung tóe khi tiếp (bơm). Không sử dụng khí nén để tiếp (bơm), hút, hay xử lý tác nghiệp.

## 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Phải được cất chứa trong khu vực thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các nguyên tố dễ cháy, ôxy hóa, các chất ăn mòn và cách xa các sản phẩm dễ cháy khác mà các sản phẩm này không có hại hay gây độc cho con người hay cho môi trường. Hơi này nặng hơn không khí. Hãy cảnh giác sự tích tụ trong các hốc và không gian giới hạn. Các loại hơi trong thùng chứa không nên để thoát ra không khí. Sự ngưng thở nên được kiểm soát bằng một hệ thống xử lý hơi thích hợp. Thùng chứa khối lượng lớn nên được bao đắp xung quanh. Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đóng chặt dụng cụ chứa khí không sử dụng. Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### 1. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp

| Hóa chất               | Nguồn | Loại | ppm | mg /m <sup>3</sup>     | Chú giải |
|------------------------|-------|------|-----|------------------------|----------|
| Potassium permanganate | OSHA  | PEL  |     | 5 mg /m <sup>3</sup>   |          |
|                        | ACGIH | TWA  |     | 0,2 mg /m <sup>3</sup> |          |

### 2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

- Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Tạo sự thông gió phù hợp trong các khu vực cất trữ. Sử dụng các hệ thống được lắp càng kín càng tốt. Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/ giới hạn sự tiếp xúc. Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.

### 3. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).

Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này.

Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày của găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitril, PVC viton. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho công việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay.

Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.

Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến

một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Chọn một bộ lọc phù hợp (loại N100 hoặc loại P3-N143). Khi thiết bị bảo vệ hô hấp được yêu cầu, sử dụng mặt nạ che kín mặt.

4. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Sử dụng các trang thiết bị bảo hộ cá nhân như khi tiếp xúc làm việc, xử lý sự cố trong khu vực kín cần thiết phải trang bị thêm dưỡng khí.

5. Các biện pháp vệ sinh: Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không có mùi thơm để rửa tay.

6. Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích <http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html> Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích <http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html>. Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại <http://hls.gov.uk/search.html>

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

|   |  |
|---|--|
| Trạng thái vật lý: Chất rắn, tinh thể.  | Điểm sôi (°C): Không phù hợp   |
| Màu sắc: Màu tím  | Điểm nóng chảy (°C): 240 °C  |
| Mùi đặc trưng: Không mùi  | Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không phù hợp |
| Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (25 °C) : Không phù hợp          | Nhiệt độ tự cháy (°C): Không phù hợp                                       |
| Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không phù hợp             | Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp.   |
| Độ hòa tan trong nước: 6,38 g/ 100 ml ở nhiệt độ 20 °C và 25 g/100 ml ở 65°C            | Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp    |
| Độ PH : Không phù hợp.  | Tỷ lệ hóa hơi: Không phù hợp.  |
| Khối lượng riêng (kg / m <sup>3</sup> ): 2703 kg/m <sup>3</sup> ở 20 °C (ASTM D – 4052) | Các tính chất khác :<br>Trọng lượng phân tử: 158,034 g/mol                 |

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định:** Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.

**2. Khả năng phản ứng:** Tỏa nhiệt khi tiếp xúc với các vật liệu không tương thích hoặc khi ở nhiệt độ cao (150 °C).

**3. Các điều kiện cần tránh:** Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.

**4. Các vật liệu không tương thích:** Axit, peroxide, formaldehyde, chất chống đông, chất lỏng có thể đông lại trong nước, các chất hữu cơ dễ bắt cháy hoặc dễ bị ôxy hóa, các chất vô cơ (kể cả

bột sắt).

**5. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Các ôxit của potassium, mangan hoặc các ôxit của Mangan.

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

| Tên thành phần         | Loại ngưỡng      | Kết quả     | Đường tiếp xúc | Sinh vật thử |
|------------------------|------------------|-------------|----------------|--------------|
| Potassium permanganate | LD <sub>50</sub> | 1.090 mg/kg | miệng          | Chuột        |

#### 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Khả năng gây ung thư: Không được phân loại là chất gây ung thư theo các tiêu chuẩn phân loại của IARC, NIOSH, OSHA, NTP và ACGIH.

#### 2. Các ảnh hưởng độc khác

Bào mòn / Kích ứng da: Kích ứng da.

Kích ứng mắt: Kích ứng đối với mắt.

Kích ứng hô hấp: Hít nhiều có thể gây kích ứng hệ hô hấp.

### XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### 1. Độc tính với sinh vật

| Tên thành phần         | Loại sinh vật                 | Chu kỳ ảnh hưởng  | Kết quả                                       |
|------------------------|-------------------------------|-------------------|---|
| Potassium permanganate | Cá                            | Chưa có thông tin | LC <sub>50</sub> từ 0,3-0,6 mg/l trong 96 giờ |
|                        | Các sinh vật không xương sống |                   | LC <sub>50</sub> từ 0,3-0,6 mg/l trong 48 giờ |

#### 2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Phân hủy chậm.

- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

- Độ linh động: Chưa có thông tin

- Nguy cơ gây tích lũy sinh học: Có thể tích lũy sinh hóa khi ở trong môi trường nước một thời gian dài.

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**1. Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp) - Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** Chưa có thông tin

**3. Biện pháp tiêu hủy:** Chưa có thông tin



**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Chưa có thông tin

**5. Các cân nhắc việc thải bỏ**

- Hủy bỏ vật liệu: Lấy lại hay tái chế nếu có thể. Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước. Sản phẩm thải không được làm nhiễm đất hay nước.

- Loại bỏ thùng chứa: Thoát nước toàn bộ thùng chứa. Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ. Không đục, cắt hay hàn những bình chứa chưa sạch. Đưa đến các thùng phuy hay thùng chứa kim loại để trữ lại.

#### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

| Tên quy định  | Số UN | Tên vận chuyển đường biển | Loại, nhóm hàng nguy hiểm | Quy cách đóng gói | Nhãn vận chuyển   | Thông tin bổ sung |
|---|-------|---------------------------|---------------------------|-------------------|---|-------------------|
| <p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p> | 1490  | Potassium Permanganate    | Loại 5.1                  | Nhóm II           |    | Chưa có thông tin |
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế   | 1490  | Potassium Permanganate    | Loại 5.1                  | Nhóm II           |  | Chưa có thông tin |



|                   |  |  |  |  |  |  |
|-------------------|--|--|--|--|--|--|
| của EU,<br>USA... |  |  |  |  |  |  |
|-------------------|--|--|--|--|--|--|

### **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : **Chưa có thông tin.**
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: **Chưa có thông tin.**
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:
  - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
  - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
  - Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
  - Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

### **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: **01/01/2011**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: **01/05/2012**

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH Thương Mại Sương Mai**

*Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.*

**CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI**  
**Giám đốc**

**PHẠM THỊ SƯƠNG MAI**